



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

infonet

05 / 2010

BÁO CÁO NÀY được thực hiện trên cơ sở thu thập, tổng hợp nghiên cứu từ các nguồn số liệu, thông tin đáng tin cậy và có tính chính xác cao vào thời điểm phát hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG
INFONET JSC.**



I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VÀ TRUYỀN THÔNG**
 - Tên giao dịch: **INFORMATION AND NETWORKING TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên viết tắt: **INFONET .,SJC**
 - Địa chỉ trụ sở chính: **36/68 Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội**
 - Điện thoại: **(84-4) 37730793** Fax: **(84-4) 7730809**
 - Email: **Info@hn.vnn.vn**
 - Website: **www.infonet.com.vn**
 - Mã chứng khoán: **CMT**
- Vốn điều lệ: **80.000.000.000 đồng** (Tám mươi tỷ đồng).

II. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

- **Việc thành lập**

Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông (Infonet.,JSC) được thành lập từ năm 2003 trên cơ sở kế thừa và tái cấu trúc công ty TNHH kỹ nghệ và thương mại tin học Toàn Cầu. Infonet JSC được chuyển đổi thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam với Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103002543 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà nội cấp.

- **Niêm yết**

Ngày 11/03/2010, Công ty CP Công nghệ mạng và truyền thông (INFONET.,SJC) đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là CMT.

2. Quá trình phát triển

- **Ngành nghề kinh doanh**

- **Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hòa không khí, trang thiết bị y tế);**



- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thủy điện, bưu chính viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình văn hóa, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin;
- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng.

• Tình hình hoạt động

CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	67.843.918.001	182.767.228.310	169,39%
Doanh thu thuần	94.972.742.233	267.898.987.800	182,08%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.202.021.967	54.030.518.769	1.185,82%
Lợi nhuận trước thuế	4.099.687.841	53.217.946.906	1198,10%
Lợi nhuận sau thuế	2.989.339.911	43.665.849.395	1360,72%



CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/ giảm
Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

(Nguồn: BCKT năm 2008, 2009)

3. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Mục đích chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin – một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam, tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống Ngân hàng, Bưu điện, Công ty Viễn thông và các doanh nghiệp...

Với mục đích xây dựng Infonet trở thành một trong những Công ty hàng đầu về cung cấp vật tư thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, nên Infonet vẫn không ngừng khuyến khích sản phẩm, mở rộng thị phần nhằm đạt được doanh thu cao nhất, cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất và bằng giá thiết bị hợp lý nhất. Công ty đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng 30%/năm.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tăng cường chất lượng quản lý và chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng.
- Tập trung nghiên cứu các giải pháp và công nghệ ứng dụng cho mạng thế hệ mới 3G.
- Tăng cường công tác đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa công ty, lấy yếu tố con người làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.
- Củng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ là yếu tố hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tiến tới tái cấu trúc công ty theo mô hình công ty mẹ/con nhằm chuyên nghiệp hóa các bộ phận kinh doanh, dịch vụ và đầu tư.

**II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty****1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tỷ lệ % (09/08)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.972.742.233	267.898.987.800	282,08%
Giá vốn hàng bán	76.973.344.801	188.023.357.021	244,27%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng	17.999.397.432	79.875.630.779	443,77%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.099.687.841	53.217.946.906	1298,10%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.989.339.911	43.665.849.395	1460,72%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.812	12.501	138,02%
Vốn chủ sở hữu	19.640.124.298	95.357.153.514	485,52%
Tổng tài sản	67.843.918.001	182.767.228.310	269,39%

2. Tình hình thực hiện

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009
Doanh thu thuần	267.898.987.800
Lợi nhuận sau thuế	43.665.849.395
EPS	12.501

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Trong năm 2009 công ty đã tiến hành cơ cấu lại sản phẩm. Công ty tiến hành loại bỏ những thiết bị có doanh số tăng yếu và tỷ lệ lợi nhuận thấp, thay vào đó là những sản phẩm mới phù hợp thị hiếu chung và có tỷ lệ lãi gộp cao. Mặt khác công ty tiến hành đồng bộ một số biện pháp:

- Vay vốn ngắn hạn theo phương thức hạn mức để bổ sung vốn lưu động kinh doanh thiết bị viễn thông tin học, thanh toán và chi trả các bạn hàng tùy theo từng thời điểm giải ngân.

- Với hoạt động là cung cấp cho khách hàng các dịch vụ truyền thông và công nghệ thông tin hoàn hảo, cùng với việc tư vấn, hỗ trợ khách hàng và kỹ thuật, tài chính cho các dự án, lập dự



toán các hạng mục kỹ thuật phát sinh, đưa ra các kiến nghị sản phẩm cùng với biểu giá hợp lý nên trong thời gian qua công ty đã không ngừng mở rộng được thị trường và xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên quan trọng.

- Công ty còn có quan hệ hợp tác kinh doanh với rất nhiều các cơ quan và tổ chức khác, những quan hệ này cũng đem lại cho Công ty nguồn lợi nhuận đáng kể giúp quay nhanh vòng vốn, bù đắp chi phí.

- Công ty cũng tích cực tìm kiếm, tạo lập uy tín với bạn hàng để luôn giành được ưu thế về nguồn hàng đảm bảo cung cấp thường xuyên và liên tục cho khách hàng. Ngoài việc nhập khẩu thiết bị truyền số liệu từ các bạn hàng nước ngoài, Công ty cũng chủ động tìm nguồn cung cấp nội địa nhằm đa dạng hóa kinh doanh.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Mục đích chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin – một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam, tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống Ngân hàng, Bưu điện, Công ty Viễn thông và các doanh nghiệp...

Với mục đích xây dựng Infonet trở thành một trong những Công ty hàng đầu về cung cấp vật tư thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, nên Infonet vẫn không ngừng khuếch trương sản phẩm, mở rộng thị phần nhằm đạt được doanh thu cao nhất, cung cấp cho khách hàng dịch vụ hoàn hảo nhất và bảng giá thiết bị hợp lý nhất. Công ty đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng 30%/năm.

Đội ngũ nghiên cứu, phát triển sản phẩm của Công ty bao gồm: Gồm 1 PGĐ kỹ thuật phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm và 10 cán bộ kỹ thuật viên triển khai phát triển gói sản phẩm.

Trong quá trình triển khai các gói sản phẩm, các kỹ thuật viên liên tục tìm hiểu phát triển các sản phẩm mới, nghiên cứu tìm cách phát triển sản phẩm tại thị trường Việt Nam thông qua nhập sản phẩm mẫu, chạy thử nghiệm tại công ty và chạy thử nghiệm trực tiếp trên hệ thống khách hàng nhằm tìm ra tính năng ưu việt phát huy và hạn chế nhược điểm trước khi phát triển sâu rộng trên thị trường.



Ngoài ra, không đơn thuần chỉ cung cấp hàng hóa thông thường, Infonet JSC chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh tiến tới triển khai cung cấp trọn gói một dự án, triển khai cài đặt, cung cấp dịch vụ hướng dẫn sử dụng, đào tạo chuyên môn, bảo dưỡng định kỳ, hỗ trợ lâu dài, cung cấp phần mềm, giải pháp nâng cấp hệ thống...

Tận dụng sự hỗ trợ công nghệ của các đối tác, Infonet JSC đã và đang phát triển các phần mềm chuyên dụng cho các ứng dụng đặc thù trong nước. Hệ thống quản lý thiết bị và phòng máy không người trực của Infonet JSC phát triển trên nền tảng PLC của Siemens với việc tích hợp hàng loạt ứng dụng như kiểm soát vào ra, camera, hệ thống chữa cháy tự động...vv đã được ghi nhận và triển khai hàng loạt tại các khách hàng lớn như Bru điện TPHCM, Đà Nẵng, Ngân Hàng BIDV, ICB...vv.

Đồng thời, phối hợp với Radvision, Infonet JSC đã và đang phát triển các ứng dụng gia tăng Video như Ringback Clip, Video Chat, Video Text...vv cho các nhu cầu tương lai trong mạng 3G và mạng thế hệ mới NGN.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời :

Các hệ số về khả năng sinh lời	Năm 2008	Năm 2009	Thay đổi 2009/2008
Thu nhập trước thuế (EBIT)	4.099.687.841	53.217.946.906	1298,10%
Lợi nhuận sau thuế	2.989.339.911	43.665.849.395	1460,72%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.812	12.501	138,02%

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2009 đều đạt con số ấn tượng hơn năm 2008. Với chiến lược kinh doanh hiệu quả và chuyển biến thuận lợi của nền kinh tế, năm 2009 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của Infonet JSC với các chỉ số về khả năng sinh lời tăng rất cao so với năm 2008.

- Những biến động - những thay đổi lớn trong năm 2009:

Năm 2009, Nhờ tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều tín hiệu khả quan cùng với nỗ lực của Công ty nên năm 2009 doanh thu thuần thực hiện đã tăng 183,11 % so với năm 2008.



Trong năm 2009 công ty đã tiến hành cơ cấu lại sản phẩm. Công ty tiến hành loại bỏ những thiết bị có doanh số tăng yếu và tỷ lệ lợi nhuận thấp, thay vào đó là những sản phẩm mới phù hợp thị hiếu chung và có tỷ lệ lãi gộp cao. Mặt khác, mặt bằng giá chi phí đầu vào năm 2009 có xu hướng giảm và ổn định, chi phí lãi vay phải trả giảm 50% tạo điều kiện cho Công ty tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, tăng trưởng lợi nhuận cao hơn nhiều so với tăng trưởng doanh thu.

Ngoài ra, dưới tác động của chính sách nới lỏng tiền tệ, Công ty đã thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay, đồng thời giúp công ty tiết kiệm chi phí tài chính.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

$$BV = \frac{\text{Tổng giá trị Tài sản} - (\text{Tài sản cố định vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = 11.918 \text{ đ/cp}$$

Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu
Tại 31/12/2009	8.000.000	0	8.000.000

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Toàn bộ 8.000.000 cổ phiếu phổ thông của công ty đều đang được lưu hành

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tổng tài sản	182.767.228.310	67.843.918.001
2	Tài sản ngắn hạn	178.646.450.291	66.147.013.890
3	Tài sản dài hạn	4.120.778.019	1.696.904.111
4	Nợ phải trả	87.410.074.795	48.203.793.703
5	Vốn chủ sở hữu	95.357.153.514	19.640.124.298
6	Doanh thu	267.898.987.800	94.972.742.233
7	Giá vốn	188.023.357.021	76.973.344.801



STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
8	Lợi nhuận sau thuế	43.665.849.395	2.989.339.911
9	EPS	12.501	1.812

Năm 2009, tổng tài sản của công ty tăng gần 03 lần, chủ yếu do trong năm 2009 công ty đã huy động một lượng vốn lớn thông qua chiến lược tăng vốn điều lệ. Lượng vốn trên chủ yếu bổ sung vào vốn lưu động mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

Nợ phải trả của công ty có tăng lên đáng kể, tuy nhiên luôn đảm bảo hệ số an toàn. Các chỉ số về khả năng thanh toán của công ty như đã nêu ở trên đều cho thấy tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Là doanh nghiệp hoạt động gần 10 năm trong lĩnh vực viễn thông (một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam), Infonet JSC có đầy đủ kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức và nhân lực để cung cấp tới tay khách hàng gói sản phẩm tốt nhất, tiện lợi nhất. Mục đích chính của Công ty là phát triển thị trường công nghệ thông tin trong nước góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin – một lĩnh vực kinh doanh tương đối rộng mở và thu được lợi nhuận cao ở Việt Nam, tập trung vào xây dựng và phát triển các ứng dụng giải pháp tổng thể cho hệ thống Ngân hàng, Bưu điện, Công ty Viễn thông và các doanh nghiệp...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong thời gian tới, công ty sẽ:

- Tăng cường chất lượng quản lý và chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng.
- Tập trung nghiên cứu các giải pháp và công nghệ ứng dụng cho mạng thế hệ mới 3G.
- Tăng cường công tác đào tạo nhân viên, xây dựng văn hóa công ty, lấy yếu tố con người làm trọng tâm cho sự phát triển của công ty.
- Củng cố và xây dựng quan hệ với các đối tác công nghệ hàng đầu, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ là yếu tố hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Tiến tới tái cấu trúc công ty theo mô hình công ty mẹ/con nhằm chuyên nghiệp hóa các bộ phận kinh doanh, dịch vụ và đầu tư.

**IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

1. Bảng cân đối kế toán

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		178.646.450.291	66.147.013.890
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>30.582.502.045</i>	<i>1.928.932.199</i>
1	Tiền	111	V.01	30.582.502.045	1.928.932.199
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>70.763.527.525</i>	<i>15.067.835.595</i>
1	Phải thu khách hàng	131		66.037.120.293	5.932.142.899
2	Trả trước cho người bán	132		3.094.173.152	9.135.692.696
5	Các khoản phải thu khác	138	V.02	1.632.234.080	-
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>57.973.149.246</i>	<i>32.281.757.922</i>
1	Hàng tồn kho	141	V.03	57.973.149.246	32.281.757.922
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>19.327.271.475</i>	<i>16.868.488.174</i>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	179.537.663	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		184.461.914	1.097.247.682
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	18.963.271.898	15.771.240.492
B	Tài sản dài hạn	200		4.120.778.019	1.696.904.111
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>4.009.365.341</i>	<i>1.696.904.111</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.994.349.886	1.491.137.474
	- Nguyên giá	222		4.718.540.103	1.906.182.089
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(724.190.217)	(415.044.615)
3	TSCĐ vô hình	227	V.07	15.015.455	205.766.637
	- Nguyên giá	228		609.691.533	609.691.533
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(594.676.078)	(403.924.896)
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>111.412.678</i>	<i>0</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	111.412.678	-
	Tổng cộng tài sản	270		182.767.228.310	67.843.918.001



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		87.410.074.795	48.203.793.703
I	Nợ ngắn hạn	310		87.410.074.795	48.203.793.703
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	50.720.517.145	35.159.141.450
2	Phải trả người bán	312		25.083.898.454	8.115.535.603
3	Người mua trả tiền trước	313		-	1.881.508.613
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	11.594.110.306	3.047.608.037
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	11.548.890	-
II	Nợ dài hạn	330		0	0
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		95.357.153.514	19.640.124.298
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.12	95.357.153.514	19.640.124.298
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	16.500.000.000
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.448.820.179)	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.805.973.694	3.140.124.298
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	Tổng cộng nguồn vốn	440		182.767.228.310	67.843.918.001

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



CHU THỊ HIỀN

LÊ NGỌC TÚ



2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.13	267.898.987.800	94.972.742.233
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		267.898.987.800	94.972.742.233
4. Giá vốn hàng bán	VI.14	188.023.357.021	76.973.344.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.875.630.779	17.999.397.432
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.15	166.476.638	732.259.413
7. Chi phí tài chính	VI.16	11.771.671.466	3.273.410.589
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4.044.588.794</i>	<i>2.411.018.154</i>
8. Chi phí bán hàng		1.211.501.900	238.416.202
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.028.415.282	11.017.808.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.030.518.769	4.202.021.967
11. Thu nhập khác	VI.17	470.151.455	-
12. Chi phí khác	VI.18	1.282.723.318	102.334.126
13. Lợi nhuận khác		(812.571.863)	(102.334.126)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		53.217.946.906	4.099.687.841
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.19	9.552.097.511	1.110.347.930
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VI.20	43.665.849.395	2.989.339.911
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		12.501	1.812

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



CHU THỊ HIỀN

LÊ NGỌC TỬ

**3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		230.065.219.072	102.113.144.884
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(196.002.846.205)	(86.210.327.380)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.855.605.167)	(4.689.800.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(4.044.588.794)	(2.411.018.154)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(494.906.301)	(222.509.324)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		238.622.767	2.633.613.354
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(44.808.154.291)	(32.612.326.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.902.258.919)	(21.399.223.541)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.874.176.195)	(1.209.850.564)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		139.339.229	51.879.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.234.836.966)	(1.157.971.068)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		63.500.000.000	7.300.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		193.345.185.941	99.848.944.180
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(176.554.520.210)	(89.618.327.109)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.790.665.731	17.530.617.071
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28.653.569.846	(5.026.577.538)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.928.932.199	6.955.509.737
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		30.582.502.045	1.928.932.199

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CHU THỊ HIỀN





4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ nghệ và Thương mại tin học toàn cầu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103002543 ngày 15 tháng 07 năm 2003 và thay đổi lần 9 ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Vốn điều lệ của Công ty mẹ đến ngày 31/12/2009 là 80.000.000.000 đồng, cụ thể:

	<i>Vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Ông Lê Ngọc Tú	23.333.600.000 VND	29,2%
- Ông Trần Thanh Hải	23.333.600.000 VND	29,2%
- Ông Lê Thành Trung	13.333.600.000 VND	16,7%
- Bà Đinh Thu Hoài	2.666.400.000 VND	3,3%
- Ông Trương Quang Trung	2.666.400.000 VND	3,3%
- Bà Trần Thị Minh Khánh	8.000.000.000 VND	10%
- Công ty TNHH ITV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	6.666.400.000 VND	8,3%
<i>Tổng</i>	<i>80.000.000.000 VND</i>	<i>100%</i>

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu máy móc, thiết bị vật tư phục vụ sản xuất, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông, thiết bị văn phòng, điều hoà không khí, trang thiết bị y tế);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Tư vấn chuyên gia công nghệ trong lĩnh vực điện tử, điện lạnh, tin học, viễn thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì các thiết bị trên;
- Cung cấp các giải pháp tin học;
- Tư vấn, tổng thầu xây dựng; Lập tổng dự toán, quyết toán, quản lý dự án, cung cấp và lắp đặt thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật và môi trường, thuỷ điện, bưu chính, viễn thông, điện lực, hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

trình văn hoá, thể thao, tôn giáo, cảnh quan, công viên, cây xanh, đài phun, môi trường đô thị, công trình đường dây và trạm thông tin;

- Tư vấn đầu tư, đầu tư và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, khu du lịch sinh thái, các công trình văn hoá, công trình thể thao, công trình thương mại (siêu thị, chợ, khu triển lãm), hạ tầng cơ sở, san lấp mặt bằng, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, khu văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar), siêu thị, khu trung tâm thương mại;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho, bãi, bến đỗ;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng;

4. Công ty con hợp nhất báo cáo tài chính:

- Công ty TNHH 1 thành viên Phần mềm và Truyền thông
- Công ty TNHH Công nghệ ITS

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất:

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm không được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xoá số dư.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng hoá, và xác định theo phương pháp đích danh đối với phần mềm.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 và được tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	07 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Phần mềm tin học	03 năm
- Các tài sản khác	05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

a. Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

b. Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

- Đối với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được xử lý như sau:

+ *Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn:*

Đối với các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, sau khi đánh giá lại số dư cuối năm và bù trừ, chênh lệch còn lại được xử lý như sau:

Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái:

- Nếu giá trị chênh lệch nhỏ thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Nếu giá trị chênh lệch lớn thì hạch toán vào chi phí tài chính trong năm giá trị chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác

12.1. Thuế TNDN

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông
Số 36, ngõ 68, Nguyễn Hồng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Công ty TNHH ITV Phần mềm và Truyền thông được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 123/2004/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2004 - Hướng dẫn thực hiện ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp phần mềm.
- Công ty mẹ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

12.2. Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước



5. Báo cáo kiểm toán



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Trụ sở chính tại Hà Nội
Chi nhánh tại Lạng Sơn
VPDD tại TP. HCM
VPDD tại Lào Cai
VPDD tại Hải Dương
VPDD tại Sơn La
VPDD tại Vinh

Số 23/61 đường Trần Duy Hưng
Tổ 2 khối 14 đường Bà Triệu, TP Lạng Sơn
Số 511/19 Huỳnh Văn Bánh - P. 14 - Q. Phú Nhuận
Số 37 Lê Thị Hồng Gấm - P. Phố Mới - TP Lào Cai
Số 2/27 đường Bùi Thị Xuân - TP Hải Dương
Số 94D - đường Nguyễn Lương Bằng - TP Sơn La
P112 - Nhà C3 - Khối 7 - Quang Trung - TP Vinh

Tel: 04 6251 0008
Tel: 025 3 718 545
Tel: 08 3991 9006
Tel: 0202 221 9989
Tel: 0320 3252 212
Tel: 022 224 1323
Tel: 038 860 2298

* Fax: 04 6251 1327
* Fax: 025 3 716 264
* Fax: 08 3991 9006
* Fax: 0202 221 9989
* Fax: 0320 3252 212
* Fax: 022 375 1323
* Fax: 038 860 2298

Số: 139/1/2009/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông (sau đây viết tắt là "Công ty") được lập ngày 18/03/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long
CÔNG TY Tổng Giám đốc
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG
Tư Quỳnh Hạnh
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2010

Kiểm toán viên

Nguyễn Trung Kiên
Chứng chỉ KTV số: 1129/KTV



V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long.

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt:

Không có

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ

Không có

- Các nhận xét đặc biệt

Không có

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Không có

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Không có

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

Không có



VII. Tổ chức và nhân sự

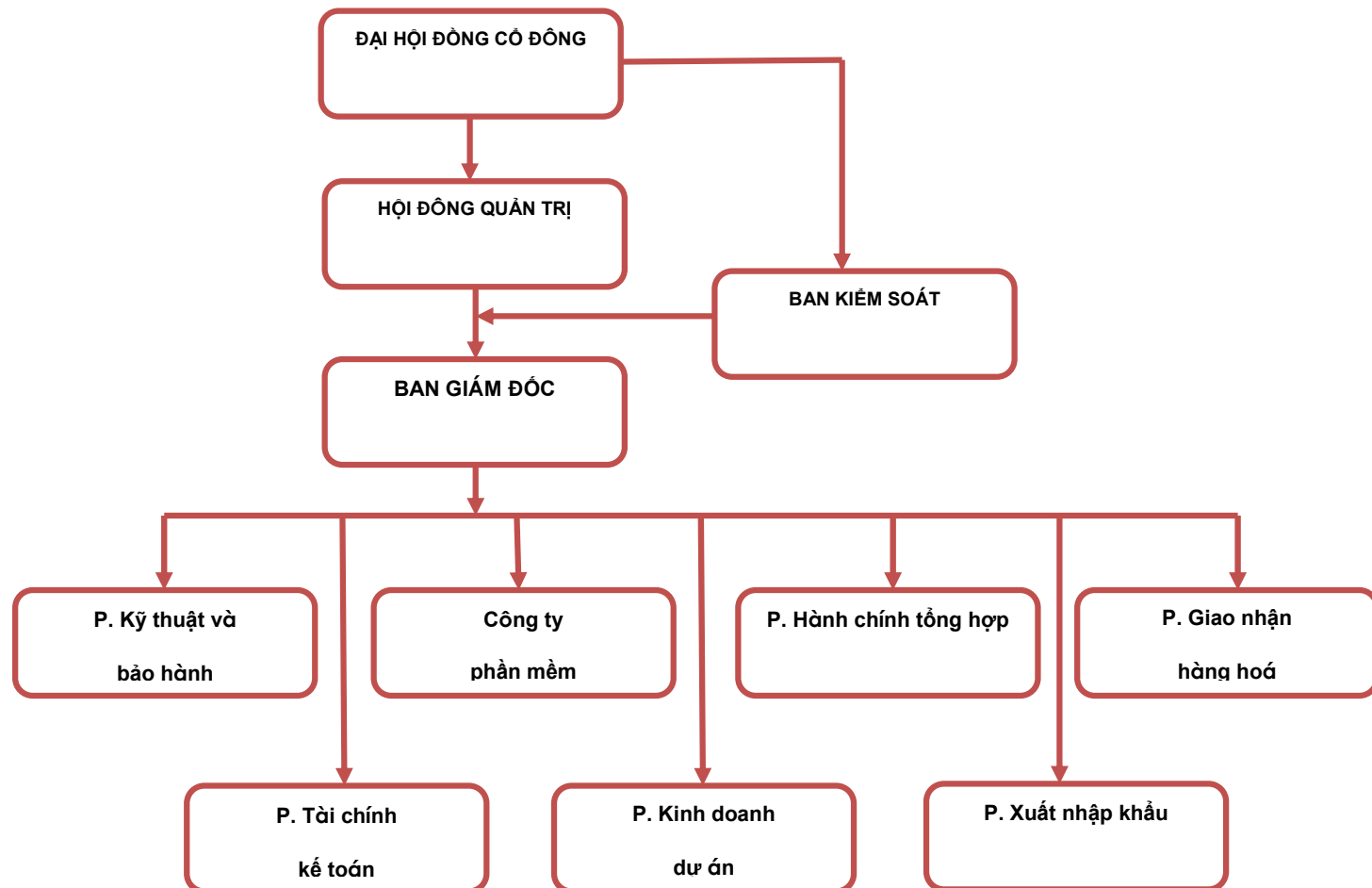
- Cơ cấu tổ chức của công ty

Hiện tại mọi hoạt động của Công ty đều tập trung ở trụ sở chính số 36, ngõ 68 (nay là đường Trúc Khê) Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.



1. BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông





Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 04/2009/NQĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2009.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;



- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

1. Ông Trần Thanh Hải Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lê Ngọc Tú Ủy viên HĐQT
3. Ông Lê Thành Trung Ủy viên HĐQT
4. Ông Đinh Hoài Châu Ủy viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Hoàng Văn Ủy viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài hình hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;



- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông Lê Bá Hoàng Quang Trưởng BKS
2. Ông Lương Ngọc Tuấn Thành viên BKS
3. Bà Trần Thị Mai Lan Thành viên BKS

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 02 thành viên: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (*nếu có*) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.



Giúp việc cho Giám đốc có 02 Phó Giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc:

1. Ông Lê Ngọc Tú - Giám đốc
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh- Phó Giám đốc
3. Ông Lê Thành Trung – Phó Giám đốc

PHÒNG BAN VÀ CÔNG TY CON

- Phòng kỹ thuật và bảo hành:

- Tư vấn, thiết kế, tích hợp hệ thống và chuyển giao công nghệ.
- Triển khai các dịch vụ cài đặt thiết bị, đào tạo, hỗ trợ và bảo hành bảo trì sau bán hàng.
- Nghiên cứu các dịch vụ, công nghệ mới
- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng.

- Công ty phần mềm

- Phát triển các phần mềm ứng dụng đặc thù theo yêu cầu của khách hàng.
- Triển khai các dịch vụ cài đặt, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao phiên bản sau bán hàng.
- Phối hợp với các đối tác phát triển các ứng dụng cho mạng 3G và mạng thế hệ mới NGN (Next Generation Network).
- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng hành chính tổng hợp

- Xử lý các công việc hành chính thường ngày của công ty.
- Phối hợp với các phòng ban khác trong các hoạt động cụ thể như các hội thảo, các chương trình đào tạo, visa, hộ chiếu, đón tiếp đối tác,...

- Phòng kế toán

- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán, các báo cáo và nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.



- Hoạch định các kế hoạch tài chính theo các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Liên tục cập nhật các thay đổi và bổ sung của ngành thuế và tài chính.
- Quản lý tài sản của công ty, các khoản đầu tư, phân tích các dòng tiền đi và về nhằm điều chỉnh các kế hoạch đầu tư và kinh doanh.

- Phòng kinh doanh dự án

- Triển khai các hoạt động tiếp thị và quảng cáo trước bán hàng.
- Cung cấp thông tin cho khách hàng về các sản phẩm, giải pháp mạng và truyền thông.
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng các giải pháp kỹ thuật và tài chính nhằm thảo mãn nhu cầu và điều kiện của khách hàng.
- Lập dự toán, tư vấn các hạng mục kỹ thuật phát sinh, đề nghị sản phẩm và công nghệ sử dụng dựa trên nền mở, bảo vệ giá trị đầu tư cho khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng sau khi hoàn thành dự án.
- Xây dựng các hoạt động và chính sách kinh doanh cho các khách hàng và đối tác.
- Thực hiện các nghiệp vụ xuất nhập khẩu.

- Phòng xuất nhập khẩu

- Phối hợp với phòng dự án và phòng kế toán đảm bảo việc nhập hàng và mua hàng theo đúng tiến độ của dự án.

- Phòng giao nhận hàng hoá

- Đảm bảo việc giao và nhận hàng hoá diễn ra thuận lợi, đúng, đủ và chính xác.



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

• **Giám đốc điều hành: Ông Lê Ngọc Tú**

Họ và tên : Lê Ngọc Tú

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 02/08/1975.

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMTND/Hộ chiếu: 011963841 Cấp ngày 10/07/1996 Nơi cấp CAHN

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Hóa.

Địa chỉ thường trú: 85, Tổ 24 Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, HN

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 043 7730793

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT

Quá trình công tác:

1998-2003: Công ty Thương mại và phát triển Công nghệ HTT

2003- nay: Công ty Infonet

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm: 28/10/2009): 1.280.000 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 1.280.000 cổ phần

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:

Những khoản nợ đối với công ty: không

Lợi ích liên quan đối với công ty: cho công ty vay 5.533.600.000 đồng

• **Phó Giám đốc: Ông Nguyễn Tuấn Anh**

Họ và tên : Nguyễn Tuấn ANh

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 9/11/1973

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMTND/Hộ chiếu: 011669094; Ngày cấp: 25/08/2003, nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tương Mai, Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: P3-D2, T2 Lâm Nghiệp, Quỳnh Lôi, Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 043 7730793

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư CNTT

Quá trình công tác:

1993- 1998: Motorola Vietnam

1998-2003 Công ty thương mại và phát triển Công nghệ HTT

2003- nay. Công ty CP Infonet

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần



Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Những khoản nợ đối với công ty: không

Lợi ích liên quan đối với công ty: không

• **Phó Giám đốc: Ông Lê Thành Trung**

Họ và tên : Lê Thành Trung

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/7/1980

Nơi sinh: Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMTND/Hộ chiếu: 012847076 Cấp ngày 29/12/2005 Nơi cấp CA Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: số 8 Lô 3A Trung Yên 11, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04.3773.0793

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2002-2003: Kiểm toán viên - Công ty Ernst & Young Việt Nam

Từ 2003-2005: Kiểm toán viên cao cấp - Công ty kiểm toán ICA

Từ 2005-03/2006: Chuyên viên phòng Tư vấn - Công ty Chứng khoán Thăng Long

Từ 2002-2007: Giám đốc - Chi nhánh Công ty TNHH Đức Mỹ

Từ 2006-3/2007: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha



Từ 3/2007- 8/2007: Phó Tổng giám đốc - Giám đốc phụ trách phân tích và quản lý quỹ - Công ty Đầu tư tài chính VMF Việt Nam

Từ 8/2007-12/2008: Trưởng ban - Công ty Tài chính Dầu khí

Từ 1/2009-nay: TV HĐQT - Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 28/10/2009)

Sở hữu cá nhân: 798.330 cổ phần

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- **Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm**

Không có

- **Quyền lợi của Ban Giám đốc:**

Chế độ lương thưởng và các quyền lợi khác cho Ban Điều Hành tuân thủ theo điều lệ và các quy chế hoạt động khác của công ty đảm bảo tương xứng với đóng góp của từng các nhân.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 35 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ)	35	100
- HĐLĐ không xác định thời hạn	35	100
- HĐLĐ ngắn hạn	0	0
Trình độ đào tạo		
- Đại học và trên đại học	35	100



- Trung cấp	0	0
- Sơ cấp	0	0
- Công nhân	0	0

Chế độ làm việc và nghỉ theo quy định của luật lao động và các quy định khác của luật lao động. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Ngoài việc xây dựng thang, bảng lương theo quy định của Nhà nước để đảm bảo thực hiện các chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế đối với cán bộ công nhân viên, Công ty xây dựng chính sách lương theo hiệu suất lao động của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty. Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, CBCNV trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty và do ĐHCĐ quy định.

Việc trích nộp bảo hiểm Xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng.

.....

**VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty****1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:****- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Năm Sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Trần Thanh Hải	01/01/1974	B3342285	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Ngọc Tú	02/08/1975	011963841	Ủy viên HĐQT
3	Lê Thành Trung	03/07/1980	012847076	Ủy viên HĐQT
4	Đình Hoài Châu		023316188	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Hoàng Văn		011639764	Ủy viên HĐQT

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Lê Bá Hoàng Quang		012585438	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lương Ngọc Tuấn	27/06/1978	011924662	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Trần Thị Mai Lan	23/11/1978	011875075	Thành viên Ban Kiểm soát

- Hoạt động của HĐQT

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông có 05 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm.

**- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty**

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo quản vốn
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Chuẩn bị nhân sự và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011- 2015;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành.

Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng

Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng

Trưởng BKS: 3.000.000 đồng/ tháng

Thành viên BKS: 1.500.000 đồng/người/tháng

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Ngọc Tú	Ủy viên HĐQT
3	Lê Thành Trung	Ủy viên HĐQT
4	Đình Hoài Châu	Ủy viên HĐQT
5	Nguyễn Hoàng Văn	Ủy viên HĐQT
6	Lê Bá Hoàng Quang	Trưởng Ban Kiểm soát
7	Lương Ngọc Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát



8	Trần Thị Mai Lan	Thành viên Ban Kiểm soát
---	------------------	--------------------------

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thanh Hải	B3342285	Số 3 ngách 25/59 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội	1.440.000	14.400.000.000	18%
2	Lê Ngọc Tú	011963841	Tổ 24, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1.280.000	12.800.000.000	16%
3	Lê Thành Trung	012847076	Số 8 lô 3a, Trung Yên 11, khu đô thị Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	798.330	7.983.300.000	9,97%
4	Đình Hoài Châu	023316188	44/5A Lê Lợi, phường 4, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	0	-	0%
5	Nguyễn Hoàng Văn	011639764	34 Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng– Hà nội	0	-	0%
Tổng cộng				3.518.330	35.183.300.000	43.97%



- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không có

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không có

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Không có

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

T T	Tên cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tuấn Anh	011669094	Phòng 3 Đ2, tập thể Lâm Nghiệp, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trung, Hà Nội			
2	Lê Ngọc Tú	011963841	Tổ 24, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội	1.280.000	12.800.000.000	16%
3	Nguyễn Văn Tuyền	012347341	Số 221 Quốc Bảo, thị trấn Văn Điền, huyện Thanh Trữ, Hrí Nội			
4	Vũ Kim Anh	100728217	Thôn Liên Phương, xã Phương Đông, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh			



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

T T	Tên cổ đông	Số CMND / ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng			1.280.000	12.800.000.000	16%

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Không có